

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hai Bà Trưng, ngày 20 tháng 05 năm 2019

Số: 04/2019/QĐST - DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Văn Tiến

Thư ký phiên họp: Bà Đinh Ngọc Tú

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 49/2019/TLST - DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định mở phiên họp số 09/2019/QĐST - DS ngày 10 tháng 5 năm 2019.

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Bà Nguyễn Minh N, sinh năm 1962; đăng ký nhân khẩu thường trú: số 4 phố C, phường HB, quận H, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú hiện nay: số 10 phố H, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội (có mặt)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Vũ Trung K, sinh năm: 1962; đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: số 10 phố H, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội (có đơn xin vắng mặt).

2. Bà Vũ Thị Thu H, sinh năm 1968; đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: số 10 phố Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội (có mặt).

3. Chị Vũ Hồng N, sinh năm 1991; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 4 phố C, phường HB, quận H, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú hiện nay: số 10 phố H, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội (có mặt).

4. Bà Trần Hồng L, sinh năm 1965; đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: số 10 phố H, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội (có đơn xin vắng mặt).

5. Chị Vũ Hồng A, sinh năm 1993; đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: số 10 phố H, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội (có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Phương N, sinh năm 1967; đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: số 57B phố P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

2. Ông Tăng Hồng V, sinh năm 1983; đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: P40-41-E2, phường P, quận Đ, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Cụ Vũ Tự H chết ngày 21 tháng 01 năm 2014; cụ Phạm Thị T chết ngày 22 tháng 02 năm 2017; sinh thời hai cụ sinh được 03 người con đẻ bao gồm: ông Vũ Tiến D chết ngày 14/12/2010, ông Vũ Trung K, bà Vũ Thị Thu H. Ngoài ra hai cụ không có con nuôi, con riêng nào khác. Bố mẹ của cụ H và cụ T đều chết trước khi hai cụ chết.

Ông Vũ Tiến D chết năm 2010 có vợ là bà Nguyễn Minh N; ông bà có 01 người con chung là chị Vũ Hồng N.

Cụ Vũ Tự H và cụ Phạm Thị T có một khối di sản là nhà đất tại địa chỉ số 10 phố H, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội thuộc thửa đất số 20/1F, tờ bản đồ số 61-1-08 lập năm 1992 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010711552600144 do Ủy ban nhân dân quận H cấp ngày 24/4/2008; Hồ sơ gốc số 75261.2008; 153.61.QĐUB.2008. Diện tích sở hữu nhà ở: 29.34m². Trong đó diện tích nhà ở tầng 1: 27.64m²; diện tích sân tầng 1 PB: 1.7m²/15.0m². Diện tích sử dụng đất ở: 434.1m² trong đó: Diện tích sử dụng riêng 72.2m²; diện tích sân chung PB 17.3m²/243.1m²; diện tích chung cư PB 16.6m²/118.8m².

Trước khi chết cụ Vũ Tự H và cụ Phạm Thị T lập di chúc phân chia di sản thừa kế cho con cháu vào ngày 28/3/2013 có hai người làm chứng là bà Nguyễn Phương N và ông Tăng Hồng V.

Nay bà Nguyễn Minh N yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án đối với di sản thừa kế của cụ Vũ Tự H và cụ Phạm Thị T để lại là nhà đất tại số 10 phố H, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng nhận định:

[1] Ngày 16/4/2019 bà Nguyễn Minh N có đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành lập ngày 16/4/2019 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Bà N cư trú tại số 10 phố H, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý việc yêu cầu là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu yêu cầu theo quy định tại khoản 7 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm s khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 418 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Minh N về kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án ngày 16/4/2019, các bên tham gia hòa giải có đủ hành vi tố tụng dân sự; nội dung thỏa thuận hòa giải thành của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Yêu cầu của bà Nguyễn Minh N thỏa mãn các điều kiện công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án quy định tại Điều 417 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên có căn cứ chấp nhận. Bà N phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án.

Căn cứ khoản 7 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm s khoản 2 Điều 39, Điều 366, Điều 367, Điều 370, Điều 416, Điều 417, khoản 1 Điều 418, Điều 419 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 49/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019, cụ thể như sau:

Cụ Vũ Tự H chết ngày 21 tháng 01 năm 2014; cụ Phạm Thị T chết ngày 22 tháng 02 năm 2017; sinh thời hai cụ sinh được 03 người con đẻ bao gồm: ông Vũ Tiến D chết ngày 14/12/2010, ông Vũ Trung K, bà Vũ Thị Thu H. Ngoài ra hai cụ không có con nuôi, con riêng nào khác. Bố mẹ của cụ H và cụ T đều chết trước khi hai cụ chết.

Ông Vũ Tiến D chết năm 2010 có vợ là bà Nguyễn Minh N; ông bà có 01 người con chung là chị Vũ Hồng N.

Cụ Vũ Tự H và cụ Phạm Thị T có một khối di sản là nhà đất tại địa chỉ số 10 phố H, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội thuộc thửa đất số 20/1F, tờ bản đồ số 61-1-08 lập năm 1992 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010711552600144 do Ủy ban nhân dân quận H cấp ngày 24/4/2008; Hồ sơ gốc số 75261.2008; 153.61.QĐUB.2008. Diện tích sở hữu nhà ở: 29.34m². Trong đó diện tích nhà ở tầng 1: 27.64m²; diện tích sân tầng 1 PB: 1.7m²/15.0m². Diện tích sử dụng đất ở: 434.1m² trong đó: Diện tích sử dụng riêng 72.2m²; diện tích sân chung PB 17.3m²/243.1m²; diện tích chung cư PB 16.6m²/118.8m².

Nay các bên thống nhất thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Vũ Tự H và cụ Phạm Thị T như sau:

Bà Nguyễn Minh N và chị Vũ Hồng N là vợ và con gái của ông Vũ Tiến D (ông D chết năm 2010) được quyền sử dụng diện tích 32.2m² đất (sử dụng riêng) có kích thước chiều rộng mặt phố H là 4.35m; cạnh bên tay phải từ phố H nhìn vào có chiều sâu là 7.28m; cạnh bên tay trái từ mặt phố H nhìn vào có chiều sâu gồm hai đoạn có kích thước là 3.40m và 4.11m; cạnh chiều rộng phía sau giáp hộ ông Đ có kích thước là 4.35m.

Ông Vũ Trung K, bà Trần Hồng L và chị Vũ Hồng A được quyền sử dụng

diện tích 59.58m^2 trong đó diện tích sử dụng riêng là 40m^2 đất kích thước chiều rộng mặt phố H là 5.50m; cạnh bên tay phải từ phố H nhìn vào có chiều sâu giáp phần đất của bà Nguyễn Minh N và chị Vũ Hồng N gồm hai đoạn có kích thước là 3.40m và 4.11m; cạnh bên tay trái từ mặt phố H nhìn vào có chiều sâu gồm ba cạnh có kích thước là 3.66m, 0.99m và 2.57m; cạnh chiều rộng phía sau gồm hai cạnh giáp sân chung và giáp hộ ông Đ có kích thước là 3.88m và 1.09m. Diện tích sử dụng chung PB: $10.0\text{m}^2/243.1\text{m}^2$; diện tích chung cư PB: $9.6\text{m}^2/118.8\text{m}^2$.

Bà Vũ Thị Thu H được sở hữu phần nhà ở tầng 1 có diện tích sàn là 29.34m^2 trong đó diện tích nhà ở tầng 1 là 27.64m^2 và diện tích sảnh tầng 1PB là $1.7\text{m}^2/15\text{m}^2$. Diện tích sử dụng đất ở: 14.3m^2 trong đó: Diện tích sân chung PB $7.3\text{m}^2/243.1\text{m}^2$; diện tích chung cư PB: $7.0/118\text{m}^2$.

Về ranh giới, vị trí, kích thước của nhà đất nêu trên có hồ sơ kỹ thuật thửa đất kèm theo.

Điều 2. Lệ phí: Bà Nguyễn Minh N phải chịu 300.000đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng lệ phí bà N đã nộp tại biên lai thu số: AA/2017/0002316 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, bà Nguyễn Minh N đã nộp đủ lệ phí.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND quận Hai Bà Trưng
- Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng
- Lưu;

Phạm Văn Tiến

